

# TƯỢNG NHỚ MAI THÀNH CÔNG CNIO

*Mai Xuân Thành (CN10)*

**G**ần cuối năm 2016, Đại Gia Đình KSCN mất thêm một thành viên. Anh Mai Thành Công qua đời ngày 12-9-2016 ở California, thọ 69 tuổi. Anh ra đi đột ngột, để lại bao thương tiếc cho gia đình và nhiều bạn đồng môn Kỹ sư Công nghệ. Tôi biết Công từ thời trung học ở Saigon. Công học sau tôi hai niên khóa ở trường trung học Võ Trường Toản. Thuở đó, Công là một học sinh hiền lành và chăm chỉ, được bạn bè quý mến vì sau khuôn mặt ít biểu lộ thân tình của anh là một tấm lòng vị tha. Sau trung học, Công thi đậu vào Trường Quốc Gia Kỹ sư Công nghệ, khóa 12. Các bạn đồng khóa với Công chắc cũng đồng ý với tôi, người bạn đồng môn cao lớn, tướng đi mạnh dạn và có vẻ bất cần đời ấy là một người tốt bụng và hào sảng. Sau khi tốt nghiệp KSCN, Công đã làm việc cho phái bộ viện trợ Hoa Kỳ một thời gian, nên sau khi miền Nam thất thủ Công có tên trong danh sách người Việt được di tản. Công đã có mặt ở tòa đại sứ Mỹ nhiều ngày cận 30-4-1975, nhưng hai vợ chồng không thể lên vào được bên trong dù đã hết sức chen lấn trong một rừng người hỗn loạn như điên cuồng đang hết sức chen ép người khác để qua cửa tử sinh, với hai thủy quân lục chiến Mỹ súng lăm lăm trên tay đang giữ chặt cửa, chỉ cho vào trong những người có tên trong danh sách được di tản. Trong lúc ấy khắp nơi rền vang tiếng súng

của quân nón cối dấp rêu đang ồ ạt tiến vào thành phố.

Sau đó, Công đã xuống bến cảng tìm lối thoát bằng thuyền trên đường sông Saigon ra Vũng Tàu nhưng không thành công. Anh đã đấu được lý lịch “nhân viên sở Mỹ”, sống lén lút ở Saigon chờ thời cơ. Mãi đến đầu năm 1980 Công mới tìm được đường dây vượt biên ở Rạch Giá, và chỉ có đủ “cây” để đi một mình thôi. Đây là một tổ chức liều lĩnh, làm ăn vô lương tâm, bất cần mạng sống của thuyền nhân. Vượt biển bằng chiếc ghe bầu, loại chỉ chạy trên sông rạch, dài 11 thước chở tới 69 mạng, đậu khơi khơi ở bãi sát dinh tỉnh trưởng cũ, lúc đó là dinh bí thư tỉnh ủy chính quyền cs được canh gác nghiêm ngặt ngày đêm. Khi chắt người lên đủ thì ghe không di chuyển được vì khẳm và bãi cạn quá. Trong bóng đêm, đàn ông trên ghe phải nhảy xuống hi hục đẩy cho ghe ra xa bờ. Chiếc ghe bầu trống lóc không có sàn và mũi ấy chỉ còn một cách liều chết để đi về phía Tây. Sau nhiều ngày chạy ịch với một chiếc máy đuôi tôm, nhờ thời tiết tốt, không mưa bão, chiếc ghe nhỏ tròng trành đi trong gian nan ấy cũng đã đưa người bạn Mai Thành Công của chúng ta vào đất Thái an toàn.

Đầu năm 1980, tôi cũng đã “bám trụ” ở Rạch Giá để tìm đường vượt biên. Sau nhiều chuyến đi với người khác không thành công,

tôi đã quyết định tự đóng một chiếc ghe để đưa gia đình vượt thoát. Chiếc ghe của tôi ra khỏi Cầu đúc Rạch Giá lúc 4 giờ sáng ngày 01-4-1980. Sau 72 giờ chống cự mưa giông hãi hùng, chiếc ghe vững chãi của tôi đã may mắn vào bờ một làng chài lưới. Cả làng xông đánh người và cướp của. 18 người trên ghe của tôi, với 7 đứa trẻ, mỗi người chỉ còn một bộ đồ dính da, được một xe Bronco của cảnh sát Thái đưa về một trạm gần đó. Trên đường đi, xe cảnh sát này chạy vào rừng và một lần nữa chúng tôi lại bị chính hai người “bạn dân” của vương quốc Thái Lan lục soát để cướp. Tất cả những giấy tờ tùy thân và tiền Mỹ dấu trong dây thắt lưng và quần áo đã bị bọn cướp chuyên nghiệp mang danh cảnh sát đoạt mất. Chúng tôi nhập trại tị nạn Songkha ngày 9-4-1980 với hai bàn tay “trắng” đung nhĩa. Chuyện của chuyến đi này tôi đã viết trong nhiều bài trước đây, đã đăng trên Diễn đàn và Đặc san KSCN.

Tôi gặp lại Mai Thành Công ở trại Songkhla này. Công đã nhập trại trước tôi chừng một tháng. Vào thời điểm đó, một trại tị nạn cộng sản với diện tích chừng 1/10 cây số vuông chứa đến hơn 10 ngàn người khiến cho sinh hoạt của trại vô cùng phức tạp và khó khăn. Thực phẩm thiếu thốn do nhà thầu Thái Lan ăn chặn tiền của Cao Ủy tị nạn Liên hiệp quốc nên đời sống của đồng bào thật bi đát, nhất là một gia đình với 7 trẻ nhỏ như chúng tôi, không có một xu dính túi. Tuy sống kham khổ nhưng tôi và Công đều tham gia công tác giúp điều hành văn phòng trại. Đi thoát được một mình, gia đình còn kẹt lại, tuy buồn nhưng Công không khổ nhiều như chúng tôi. Ngoài những giờ làm việc cho trại, Công mở lớp dạy Anh văn cho bà con tị nạn. Học phí cho mỗi giờ chỉ có 1 Baht (tiền Thái, lúc đó tương đương khoảng 5 xu Mỹ kim) coi như

tượng trưng nhưng với một lớp 20 “trò” cũng có tiền cà phê thuốc lá và cải thiện bữa ăn chỉ có vài con cá sụn dài gần hai ngón tay cái và một ít rau héo cho một khẩu phần. Công giỏi tiếng Anh, dạy hay, lớp học rất đông nên sống khá ung dung. Thấy hoàn cảnh khó khăn của tôi, Công chia lớp học của mình làm hai, nhường một lớp cho tôi dạy để kiếm chút đỉnh mua thêm thức ăn cho các con và cháu. Những giờ rảnh Công có mặt ở quán cà phê với nhiều bạn bè và thường rủ tôi đi theo. Nhóm bạn tha hương này rất nể nang và gọi Công là “Ông Thầy” và nhân thể cũng xưng hô với tôi như thế vì Công giới thiệu tôi là “đàn anh” một cách trịnh trọng. Những “đệ tử” tự nguyện này có người đã ở trại nhiều năm, từ ngày thành lập, không được nước nào nhận cho định cư vì đã có thành tích bất hảo, gây bất an cho trại. Họ kiếm được nhiều tiền lắm qua những dịch vụ môi giới mua bán vàng và rượu lậu qua hàng rào trại và thích gần gũi Công không phải vì anh là một người chịu chi tiền ăn nhậu mà chỉ vì cái tính hào sảng, hay giúp đỡ người hoạn nạn thôi. Khi tiếp xúc tôi đã nhận thấy những người trẻ đã cùng đường này cũng đáng thương nên khi Công gợi ý tôi đã mạnh dạn đề nghị với Trưởng trại Cao ủy và phái đoàn Hoa Kỳ thu nhận họ vào làm việc cho Ban Trật tự của trại để tạo cơ hội cho họ “cải tà qui chánh” may ra còn có nước nhận cho định cư. Tôi làm việc này vì nhớ lại hồi nhỏ còn ở tiểu học, những tên phá phách nghịch ngợm nhất thường được Thầy Cô cho làm “trưởng ban trật tự”, từ đó lớp học êm ả. Đúng như tiên đoán, những trật tự viên trước là tay dữ dần nay làm việc thật đặc lực. Sau này, khi có dịp gặp lại nhiều người, từng ở trại Songkhla cùng thời và sang Úc sau tôi, kể là nhiều anh em trong ban trật tự đó đã được tái xét cho đi định cư. Đời sống bức bách và khổ cực của trại tị nạn đã khiến những người có tâm bô

tát mở lòng ra giúp đỡ tha nhân. Mai Thành Công là một trong số người hiếm hoi này. Tôi nhớ lại hình ảnh của người bạn đồng môn vào những ngày khổ ải khi mới đặt chân đến bên bờ tự do. Một buổi chiều khi văn phòng trại đã hết giờ làm việc ban ngày, trên đường về chỗ gia đình tạm trú ở lô 29, một nhóm trật tự viên vồ lấy tôi rồi kéo vào quán cà phê. Vừa ngồi xuống ghế chưa kịp gọi thức uống đã nghe cả đám nhón nháo cười nói. Một tên cười ha hả “*Mới nhắc Tào Tháo là Tào Tháo tới liền!*” V. mới được làm trưởng ban trật tự, khêu vai tôi chỉ về phía một người đang từ bờ biển đi lên, vừa cười hi hi vừa nói “Ông Thầy chắc không biết tại sao anh em lại nể anh Công. Bây giờ hãy nhìn kỹ cái tướng của anh đi, Ông Thầy sẽ biết!” Tôi cũng bật cười khoái trá vì nhận ra Công. Đây là lần đầu để ý, thấy rõ tướng đi của người bạn cao lớn vạm vỡ, mặt vênh vênh, hai tay khuỳnh ra, bước chân nghênh ngang, chậm rãi. Đúng là tướng của một “hảo hớn”. V. lại cười “*Cái tướng anh chị làm người ta ón, nhưng ông hiền và tốt lắm!*” Đúng thế! Đại gia đình Kỹ sư Công nghệ đã có một đồng môn sẵn lòng nhường “miếng cơm” cho bạn trong hoàn cảnh khốn khó như bạn hiền Mai Thành Công của tôi. Ngày 16-7-1980 Công tiễn gia đình tôi lên xe buýt đi Bangkok chờ thủ tục định cư ở Úc. Khi xe lăn bánh Công bước theo, tay vồ vào thành xe mấy cái, nói với “*Good luck, Big Brother!*” rồi đứng lại lùi ngùi nhìn theo cho đến khi xe chạy thật xa. Tôi còn nhớ thật rõ nét hình ảnh của Công buổi chia tay hôm đó, cũng là lần gặp sau cùng. Trời nắng chang chang, chiếc đầu to tóc hơi dài bay lòa xòa trước vầng trán thật cao trông như hói. Ăn mặc thì vẫn là “công tử nhất bộ”, sáng trưa chiều tối, nắng mưa gì cũng quần tây, áo bỏ ngoài quần, tay dài lúc nào cũng xắn lên gần khuỷu tay, chân lê đôi dép rất lè phè. Bẵng đi một thời gian khá lâu,

25 năm sau, tôi và Công mới nối được liên lạc khi website KSCN ra đời. Gần đây, chúng tôi còn “gặp” thường hơn trên Facebook, vui với những hình ảnh sinh hoạt gia đình của nhau. Tin Công qua đời đột ngột đã làm cho tôi buồn như mất một người em. Tiếc là trên đường đi dự Đại hội 7 ở Chicago tôi có ghé California nhưng di chuyển tùy thuộc vào sự sắp xếp của các bạn đồng môn nên không có thời gian ghé thăm Công vì không biết bạn đã không khỏe từ lúc đó!

Để biết thêm về sinh hoạt và những kỷ niệm đáng nhớ của chúng tôi ở trại tị nạn Songkhla, Thái Lan vào năm 1980, mời Quý vị đọc lại bài “ÔNG BÁC VẬT” đã đăng, cũng trên mục “Buồn Vui Công Nghệ” này, vào ngày 11-8-2007. Trong bài này, ông bác vật thứ thiệt có tên là C. chính là bạn Mai Thành Công của chúng ta.

Cũng gần đến ngày cúng thất tuần (7-11-2016) sau ngày Mai Thành Công ra đi, tôi viết bài này để tưởng nhớ người bạn đồng môn thân mến. Tôi cầu nguyện cho hương linh bạn hiền sớm vãng sanh nơi miền cực lạc và mong cho thân quyến của bạn luôn được an khang và hạnh phúc.

Nếu không có thì giờ mở đọc lại nguyên bài, mời Quý vị đọc trích đoạn của bài “Ông bác vật” dưới đây:

\*\*\*\*

ÔNG BÁC VẬT

.....

Hai mươi năm sau...

Hai thập niên vật đổi sao dời. “Thương hải biến vi tang điền..” Bình than được thì nói nghe cho êm tai một chút. Hai mươi năm

ấy, biết bao nước chảy qua cầu. Nhưng giòng nước ấy có khi nào chảy êm ả đâu. Giòng nước cuồn nộ, hung hãn đã một lần cuốn trôi chiếc cầu bắc qua dòng sông lịch sử, để cho một triệu người không còn lối quay về.... Tưởng đã yên thân, không ngờ lại biến cố 1975. Lần này kinh hoàng và thảm thối hơn nhiều. Cuộc bỏ phiếu bằng chân và bằng thuyền của hai triệu người là một hành trình vĩ đại nhưng bi thảm, đầy máu và nước mắt. Có bao nhiêu trong số một triệu người của cuộc di cư 1954 ấy lại phải thêm một lần từ giã quê hương để quăng mình vào biển cả, liều mạng sống để đi tìm một cõi người có tình người ?

Một đêm hè năm 1980 ở trại tị nạn Songkhla, Thái lan...

Đã mấy ngày liên tiếp văn phòng Ban Điều hành trại làm việc gần như thâu đêm để chuẩn bị hồ sơ cho đợt phỏng vấn sắp tới của phái đoàn Hoa Kỳ. C. vờ vai đứng dậy, khều tay tôi: “Em còn thuốc lá, mình ra ngoài phì phà một lúc cho mát rồi lại vào làm tiếp!” Nghe nói thuốc lá tôi tỉnh người liền ! Anh em làm việc thiện nguyện ở văn phòng trại được hưởng tiêu chuẩn “bồi dưỡng” mỗi ngày hai ly cà phê và hai điếu thuốc lá. Cho “morning tea” và “afternoon tea”. Như làm việc ở Mỹ vậy đó, nhưng là Mỹ... nghèo nên làm thêm buổi tối dân ghiền không có thuốc hút thì hút...gió. Mạnh ai nấy “ngáp” thôi ! C. là một người bạn trẻ dễ thương và chịu chơi. (bác vật thứ thiệt mà !) C. vượt biên có một mình nên rồi rảnh, ngoài giờ giúp việc cho văn phòng Trại, C. mở lớp dạy Anh văn, học trò đông vì dạy rất hay. Thương đàn anh sau một hải trình gian khổ, không bị hải tặc ngoài khơi nhưng đổ bộ lên một làng đánh cá bị “địa tặc” cướp sạch, bầu đoàn thể tử nheo nhóc, C. chia lớp học làm hai và nhường cho tôi dạy một lớp kiếm chút đỉnh tiền tiêu. Học trò đóng cho thầy mỗi người chỉ

có một Baht (tiền Thái) cho mỗi giờ thôi. Lớp có 20 học trò thì cũng mua được thêm quà bánh cho các con. Tôi dạy được mấy ngày thì lớp lên được 25 “trò” (trẻ nhất 10 tuổi và già nhất là 52). Hơn một tuần không thấy trò nào đóng tiền cả. Một hôm bắt đầu giờ học một chú nhỏ tên L. bước đến gần tôi và thì thào : “ Em chưa có tiền đóng học phí, anh cho em thiếu nhe. Chắc tuần sau em mới có tiền của người anh bên Mỹ gửi ! ”. Chú bé chừng 17 tuổi, mặt mũi hiền khô vừa nói vừa cười ngượng ngập. Tuy cố mím môi để che hàm răng nhưng vẫn lộ cho thấy bốn cái răng cửa mất tiêu. Tôi gan hỏi và L. kể là trên đường vượt biên thuyền bị hải tặc Thái chặn cướp. Thấy L. có một chiếc răng cửa bít vàng, bọn thú đội lột người này đè cậu ấy xuống dùng búa và đục để xeo chiếc răng. Vì táng mạng quá nên cả bốn cái cùng văng ra luôn ! Nghe xong câu chuyện tuy ngắn nhưng cảm thấy rợn sống lưng và ê cả răng này lòng tôi chột chùng xuống trong nỗi uất nghẹn..... Đưa mắt nhìn đám “học trò” đang ngồi lộn xộn dưới nền nhà kho (tạm làm lớp học) tôi thấy mặt nào hình như cũng vêu vao và thất thần như nhau...Tôi quyết định thật nhanh và bảo với cả lớp là : “ Tôi biết là nhiều người không có tiền để đóng. Học Anh văn trong hoàn cảnh này thật cần thiết. Từ nay, các cô chú, anh chị em và các cháu cứ đến học, tôi dạy miễn phí.” Từ đó, lớp Anh ngữ thực hành của tôi đêm nào cũng “nghet rạp” ! Thôi lỡ nghèo cho nghèo luôn!. C. cười và gọi tôi là “thầy dòng”, vì nghe kể hồi trước có lúc C. học Anh Văn ở nhà dòng không phải đóng học phí ! Suốt thời gian ở Songkhla lúc nào C. cũng “xu hào rùng rình”, tính tình lại hào sảng nên cứ mời cà phê thuốc lá hoài, và ông anh ít khi từ chối. Nghèo muốn chết mà còn sĩ diện gì nữa !

Nhìn đồng hồ treo tường. Mới hơn 11 giờ

đêm. Chúng tôi bước ra ngoài. Văn phòng trại là một căn nhà gỗ đơn giản cất theo lối nhà sàn thấp, phía trước có hàng hiên, đi lên xuống bằng chiếc thang ngắn. Giờ này vẫn còn nhiều người quanh quẩn qua lại trước sân, ý chừng là những người nóng ruột muốn chờ xem có ai quen đang làm hồ sơ để hỏi tên mình có được vào danh sách phỏng vấn kỳ này không ?! Ngọn đèn ở góc trại soi mờ mờ mấy cây dương gần đó chỉ lay động phát phơ vì gió biển thổi nhẹ quá. Gần nửa đêm mà trời vẫn còn oi bức. Điều này đêm nay dăm mưa lắm. Mưa thì tội nghiệp cho lớp đồng bào mới nhập trại, không còn chỗ trong lán phải che bạt nylon quanh những cây dương ngoài bãi biển để ở tạm. Gia đình tôi đã kinh qua nhiều ngày thấp thỏm như thế. Nửa đêm nghe tiếng mưa rơi lộp độp trên các mảnh nylon thì phải ngồi bật dậy, hai tay bế hai đứa con chạy thốc vào ngay thì may ra mới còn chỗ đứng trú mưa dưới mái hiên của Niệm Phật Đường gần “hộ khẩu cây dương” của chúng tôi !

Vừa bước xuống tới đất tôi nghe có người gọi rất nhỏ: “ Ông bác đặc ....ông bác đặc ơi ! ” C. nín tôi dừng bước và nói : “hình như gọi mình anh à ”. Chúng tôi cùng quay lại. Một ông già ốm và cao dáng người trông khắc khổ bước tới lên tiếng ngay: “Ông bác...đặc ơi ! Tôi là Tư S. có việc nhờ quý ông giúp đỡ..” Đến lúc đó tôi mới vỡ lẽ ra là người đàn ông đã chờ sẵn ở ngoài văn phòng không biết tự hỏi nào vừa gọi tôi là “Ông bác vật” theo giọng miền Nam ! C. cười hỏi : “Sao bác gọi tui tôi là bác vật vậy ?” Ông Tư bảo: “ Tôi biết và nhiều người cũng biết quý ông là kỹ sư và đang làm việc giúp cho đồng bào tị nạn. Thời của tui gọi quý ông là bác vật. Nghe xưa nhưng mà quý lắm !” Tiếp theo, ông kể là hôm qua có người môi giới mua vàng có giá, gia đình ông đã bán 2 “cây” để lấy tiền mua sắm

trước khi lên đường định cư. Hồi chiều cảnh sát Thái vào bắt ông ra đồn phía ngoài trại vu cho ông là bán vàng giả, đòi bắt nhốt và giải tòa. Chỉ vào mắt phải bầm tím ông nói : “Trước khi tạm thả tên trưởng đồn đánh tôi và cho hạn định là nội đêm nay không trả lại tiền thì sáng mai tui nó bắt lại !” Thật là hỗn quan. Bọn ăn cướp mặc sắc phục này coi phép vua luật nước của chúng không ra gì vậy sao ! Tôi bảo ông Tư chờ và chúng tôi trở lên văn phòng hội ý. Trưởng trại Cao Ủy đêm nay không có trong trại. Trưởng trại Việt Nam giờ này chắc đang ngủ yên vì đã sắp xếp công việc xong rồi. Tôi thấy tình hình cấp bách không thể chờ đến sáng như đề nghị của C. Bàn tính một hồi tôi quyết định dẫn ông Tư ra đồn cảnh sát. C. có vẻ lo lắng hỏi tôi tính sẽ làm gì ? Tôi trấn an : “Thằng trung úy cảnh sát này biết tôi, đụng độ vài lần rồi. Dù gì đi nữa nó cũng không dám giữ mình lại đâu. Tôi sẽ có cách hù nó. Nếu êm thì khỏe, còn không thì sáng mai mình quậy tiếp. Tôi sẽ đưa ông Tư đi. C. gọi giùm anh chàng V. (nhân viên trật tự) ”. C. đứng lên ngay và nói: “ Em cũng không sợ gì cả. Để em gọi V. rồi cùng đi với anh.”

Chúng tôi ra đồn cảnh sát Thái gặp tên trung úy còn đang khề khà nhậu nhẹt với hai cảnh sát khác. Đồn là một nhà cây nhỏ cất tạm phía ngoài hàng rào trại, mở cửa ngày đêm. Thấy tôi đứng ở cửa hắt khệnh khạng đứng dậy, ngoắc tay mời vào. Nhìn thấy ông Tư mặt hắt hơi biến sắc, lưỡng lự gọi người lấy thêm ghế. Không chờ mời ngồi, tôi vào đề ngay, ngắn gọn nhưng rất rõ ràng:

- Hồi chiều Trung úy đã cho bắt ông già này về tội bán vàng giả và đã đánh ông ấy có thương tích. Trung úy phải biết là trước khi bắt người Việt trong trại ông phải thông báo Ban Điều Hành trại. Các ông đã làm một việc phi pháp và phi lý bởi vì không có một người

tị nạn Cộng sản nào liều mạng sống bỏ nước ra đi lại mang theo vàng giả bao giờ. Chúng tôi chỉ yêu cầu Trung úy xin lỗi ông già này và tuyên bố không vu cáo nữa. Nếu không, sáng mai tôi sẽ thừa đến Hoàng Gia, theo cách của tôi.

Tên trưởng đồn đứng bật dậy, trợn mắt :

- Thừa Hoàng Gia hả ? Dám không ?!

Tôi nhìn thẳng vào cặp mắt đang mở to và đỏ ngầu của hắn :

- Trung úy biết tôi là kỹ sư. Mình biết nhau mà ! Nhưng ông chưa biết tôi đã từng học ở Viện Đại học Hoàng Gia Chulalongkorn ở Bangkok phải không ? Đức Hoàng thượng Bumiphon và Hoàng hậu Sirikit có Thái tử Sukumvich là bạn học rất thân với tôi ở Chulalongkorn. Sáng ngày mai tôi sẽ điện thoại cho Thái tử kể chuyện này thì tôi chắc Ngài Điện hạ sẽ không từ chối giúp người bạn cũ đâu Trung úy à !

Tôi cố nói chậm rãi, nhấn mạnh những chữ Hoàng thượng, Thái tử.. và thấy tên cảnh sát vô thiên vô pháp này hơi rúng động. Tôi bồi thêm:

- Chắc các ông biết Thái tử có biệt tài đàn vĩ cầm rất hay. Nhưng không thể so tài với Đức Hoàng thượng được đâu. Hồi chúng tôi còn học ở Chula.., cứ cách vài tháng là Đức Vua ngự giá xuống Viện Đại học biểu diễn vĩ cầm cho sinh viên nghe với sự phục họa dương cầm của Công chúa nữa .....

Không chờ cho tôi chấm dứt chuyện đời xưa, tên trưởng đồn đứng dậy khều tôi và lừng lững bước ra ngoài. Tôi bước ra theo. Hắn quay lại nhỏ giọng:

- Ê. Nãy giờ nói chuyện thiệt hay đùa vậy ông bạn ?

Tôi bình tĩnh:

- Tôi không kể chuyện Việt Nam. Chuyện xứ Thái đúng hay sai các ông biết. Người bị ông bắt và hành hung cũng không muốn làm to chuyện đâu, chỉ không muốn bị vu cáo thôi. Nếu Trung úy không làm theo yêu cầu thì tôi xin kiếu. Sáng mai, chuyện của ai thì người nấy làm thôi !

Khuôn mặt cau có của hắn dịu lại và nói: “Thôi. Được!” rồi trở vào trong. Khi tôi theo vào thì mấy tên cảnh sát kia biến mất rồi . Hắn cầm tay ông Tư cười cười: “Hiểu lầm. Hiểu lầm. Chúng tôi xin lỗi ông !” Tôi giải thích ngắn gọn với ông Tư vì không chắc ông có biết tiếng Anh, và bảo với ông là nếu thấy vui lòng với cách giải quyết như thế thì bắt tay hắn một cái rồi về trại không cần sợ sệt, lễ phép gì cả. Tôi dặn kỹ thế vì không muốn thấy một bộ lão Việt Nam khúm núm trước bọn cướp cạn này ! Thế là chúng tôi an toàn và thoải mái rời khỏi cái đồn canh của bọn hung thần ác sát đó. Chính ông Tư cũng vui vẻ chấp nhận cái kết quả thương thuyết nhanh không ngờ đó và cho qua chuyện luôn.

Câu chuyện thật nhưng kể nghe như tiểu thuyết hư cấu, chắc cũng cần phụ chú thêm một tí cho dễ thuyết phục ! Chuyện đã từng học ở Viện Đại học Hoàng gia Chula.. là thực, nhưng có 50 % thôi. Người Thái chỉ gọi là Chula, để nói đến Viện Đại học Hoàng gia Chulalongkorn có thực ở ngay thủ đô Vọng Các. Năm 1969 tôi là sinh viên của Viện Kỹ thuật Á Châu (AIT), tuy không trực thuộc nhưng lại nằm trong khuôn viên của Chula. Nói gọn là học ở Chulalongkorn cho tiện việc sổ sách tuy có mập mờ và dựa hơi một tí !... Sự việc Đức Vua hay ngự giá xuống thăm và đàn cho sinh viên nghe là chuyện có thật thời đó mà thần dân Thái đã truyền tụng, ngưỡng vọng và tôn kính Ngài như một minh quân. Thái tử học ở Chula cũng là chuyện thực. Tên

của Thái tử là gì tôi nào có biết ! Một tên sinh viên ngoại quốc cà lơ thất thơ như tôi làm sao đến gần được Thái tử, chứ nói gì tới làm bạn học. Khi nhắc tới “Ngài” thì tôi nói chữ Thái tử lên giọng còn cái tên Sukhumvich (mà tôi đã hư cấu ra) thì nói nhỏ hơn ! Trước khi dẫn ông già Tư đáng thương ra đồn cảnh sát tôi tự tin là mình sẽ thành công. Xong việc đêm nay thì tốt, còn không, sáng mai mời cả hai vị Trưởng trại ra tay thì xá gì việc nhỏ này... Cũng như chơi một ván xì phé thôi. Không dễ gì thua. “Tây” của bọn này tôi nắm được rồi nên mới dám tỏ xả lảng, vì tôi biết rõ dân Thái rất tôn sùng Hoàng gia, còn những tên cảnh sát này chỉ là bọn cướp ngày, thừa nước đục thả câu, có gan cóc tía chúng cũng không dám hỏi xem Thái tử có bạn học người Việt hay không !

Trở vào trại, trước khi chia tay về ngủ yên ông Tư nắm lấy cả hai tay tôi mà lắc và cảm ơn rối rít. Chiều hôm sau, ông Tư tìm gặp tôi và C. ở quán cà phê, trình trọng đưa cho tôi một bao thư, nói nhỏ “*Xin ông bác vật nhận chút quà mọn ơn nghĩa đã cứu tôi khỏi tay bọn cảnh sát Thái*” Tôi hỏi cái gì trong bao thư ông Tư bảo “*Chỉ có 2 cây vàng, chút đỉnh gọi là thôi*”. Tôi khảng khái từ chối dù ông hết sức nài nỉ để tôi nhận. C. cũng biểu đồng tình với tôi và cầm bao thư bỏ vào túi áo của ông. Chờ ông Tư đi khỏi, C. nhìn tôi với vẻ mặt nghiêm trang bảo “*Em ngưỡng mộ anh vì nghĩa cử quá đẹp vừa rồi*”.

Đền văn phòng đã tắt. C. cười vui nói: “*Thôi anh em mình xuống bãi biển làm vài ngao cái đã... Em nể anh thiệt tình. Từ bây giờ không gọi anh là “thầy dòng” nữa mà phải gọi là “thầy tuồng”, mà phải là “thầy tuồng bác... bác đặc” mới đúng !*”. Chợt nhớ là trong túi có một ngân phiếu 50 đô mới nhận được hồi chiều từ nhà bác vật NHT. ở Canada gửi giúp

bạn trong cơn hoạn nạn, tôi bèn rủ C. vào quán cà phê mở 24/24. Nãy giờ không thấy bóng dáng của V. Tưởng anh chàng đã về lều ngủ nhưng khi từ sân văn phòng rẽ trái vào “đại lộ Bình minh” thì thấy V. cùng với một đám trật tự viên ngồi sẵn, chờ tụi tôi đến để đãi cà phê hai “ông thầy” dám “chơi” cảnh sát Thái lan !... Đến 3 giờ sáng cả bọn mới chia tay. Trên đường về chỗ ngủ, tôi bật cười khi lầm nhảm lại mấy chữ “ông bác đặc” mà ông Tư đã gọi hồi nãy. Mấy chữ xưa như trái đất này nghe buồn cười nhưng cũng hay hay khiến tôi nhớ Bác Thạc của tôi quá (\*). Người tài hoa như Bác mà lại vẫn số. Bác mất ở Paris, vào lần thứ hai Bác trở lại đây để chữa bệnh, khi tôi vừa xong Trung học. Nếu Bác còn sống, chắc giờ này Bác cũng đang ở đâu đó bên trời Tây, tôi sẽ viết thư kể cho Bác nghe chuyện vừa rồi và rất nhiều chuyện khác của những bác vật trẻ tuổi thời nay, sau cơn quốc nạn, đã sống như thế nào trong một thời đầy bất trắc và tai họa khôn lường. Vì thế, có khi bắt buộc phải đóng vai ngu ngơ hoặc giả trá để tự cứu chính mình, hoặc, nếu được, giúp cho những người đồng chung cảnh ngộ. Mỗi ngày cố làm được một việc thiện như thời đã được dạy dỗ làm một thiếu sinh gương mẫu. Chừng nào con người không còn làm khổ nhau, và trên trái đất này những kẻ gây tội ác ngập trời phải được xét xử đích đáng thì nhân loại mới bớt điều linh.

Đêm sắp tàn. Tôi sẽ có một giấc ngủ ngắn không mộng mị để lấy sức làm việc cho một ngày thật dài, bắt đầu từ sáng mai.

## VĨNH NGỘ

(\*) Bác Thạc tốt nghiệp kỹ sư đóng tàu ở Pháp, là một trong số “bác vật” đầu tiên của VN vào thập niên 40.

# TÂM HỒN MẺ

Thái-Vinh CN17

Tuy không phải lính Ngụy, nhưng Phan cũng như cái đám sinh viên miền Nam sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 tự tan hàng, mạnh ai nấy chạy. Sau mấy ngày đầu bị giải phóng, sợ sệt chạy tằm bươm bươm, như núp ở nhà thương, hay trốn trong nhà bạn gái...phần lớn đều lò dò trở lại trường cũ nghe ngóng. Dần dà tụ lại, thấy bạn bè cùng lớp còn khá đông, Phan mừng thầm, tự an ủi, “Chế độ nào cũng trọng dụng nhân tài mà!”

Nhưng chờ đợi khá lâu, thấy ngày nào cũng có người trong xóm đeo một cái xách nhỏ đi đăng ký học tập không về, Phan giật mình tự nhủ, “Minh có phải là nhân tài thật mà đất nước đang cần chăng?”

Phan nhớ mang máng hình như Chủ tịch Mao Trạch Đông có nói, “Giá trị của giới trí thức không bằng cục phân bò!” Tự dưng Phan thấy nản chí và lấy làm tiếc hôm nọ chen lấn suốt một ngày trời, đã gần đến cổng tòa Đại sứ Mỹ, mà chợt nhớ buổi tối có hẹn đi coi xi nê với Ngọc nên bỏ chạy về tìm thì Ngọc cùng gia đình đã đi thoát bằng máy bay ở Tân Sơn Nhất! Biết làm gì bây giờ?

Nhìn hình mình trong gương, tuy mái tóc bồng bồng đã tự ý lấy kéo xén trụi cho phù hợp với con người mới ở thời đại đất nước thống nhất, làm lòi ra mấy cái mụn bọc đùn lên như mũ tròn, nhưng Phan cũng đắc ý tự thấy mình rất điển trai, nhất là nụ cười mê hồn và nước da trắng bóc như da đàn bà mới đẻ,

cộng thêm cái mã sinh viên kỹ sư Phú Thọ ngày ấy, Phan đã từng làm biết bao cô gái mê mết, và làm bạn bè cùng lớp không đứa nào muốn chơi với Phan vì sợ mất bò! Sau ngày bị giải phóng, những cô gái đẹp ấy đã mang hình bóng đẹp trai của Phan đi tản tuốt qua Mỹ, bỏ Phan bơ vơ!

Những ngày buồn vô tích sự, Phan lang thang ra đường ngắm gái, nhưng thấy bộ đội miền Bắc mang dép râu đội nón tai bèo đi đến đâu là nơi đó vắng bóng đàn bà đẹp. Không có đàn bà đẹp, Phan nghĩ cuộc đời không còn gì thơ mộng nữa! Tự dưng Phan thấy nhớ những cô bạn gái ở quê nhà.

Mùa hè năm đó, Phan âm thầm về xứ Quảng ở rể trong một gia đình có mười cô con gái. Làm nghề nông suốt ngày cày ruộng ngâm nước da trắng treo dưới bùn bị đĩa cắn hút máu, Phan ớn quá, bèn tìm cách trở lại trường cũ. Vừa lao động ở trường vừa ráo riết thực tập ở nhà, sau hai năm Phan tốt nghiệp kỹ sư và có con bông.

Mùa hè năm sau, nghe bạn bè lén chuyện tin thằng Lê đã vượt biên, làm Phan tái mặt. Hình ảnh thằng Lê in đậm vào trí não Phan như một nhân vật thủ lĩnh đại ca trong truyện kiếm hiệp Thiên Long Bát Bộ mà không ai có thể thay thế được. Mới hôm nào nghe thằng bạn đó hùng hồn khuyên nhủ các bạn đồng môn trong lớp học chính trị, “Đất nước bây giờ đã thống nhất, đang cần bàn tay chúng



mình xây dựng!” Thế mà bây giờ nó cũng đã lên bỏ quê hương chạy theo bọ đít đế quốc Mỹ như tụi thằng Thái, thằng Phú...

Từ đó, Phan mất hẳn tin tưởng vào chủ nghĩa Mác - Lê cùng tư tưởng và đạo đức của Bác Hồ; Phan bắt đầu âm thầm nuôi mộng vượt biên để được bọ đít đế quốc Mỹ. Vài năm sau, tình cờ gặp lại Lê ở San Jose, Phan hết sức vui mừng, quên bẵng lời khuyên của nhân vật thủ lĩnh đại ca ngày ấy! Mười cô gái ngày xưa theo Phan ra đồng làm ruộng bị địa chấn bây giờ đã nhanh chóng nhả mùi bùn lốt da trở thành Thập Toàn Mỹ Nhân. Bị vợ là Thập Đại Mỹ Nhân cần nhả chồng cứ muốn nắn ná ở gần 9 cô tiểu muội, không muốn dọn ra ở riêng, Phan bực mình, bèn xin hăng đổi việc, dẫn vợ con qua xứ Á Rập làm kỹ sư đào mỏ.

Mới đó mà đã ba chục năm. Soi gương, Phan thấy mình đã già. Tuổi già của Phan không rõ rệt ở mái tóc trắng và ở cái bụng mập chang bang như trống châu của thằng Lê. Thoạt trông thấy Phan, người ta có thể lẫn lộn tuổi già và sự thông minh! Thấm chút nước miếng đê mấy sợi tóc lơ thơ nằm sát trên cái đầu đầy da bóng loáng như quả bong bóng, Phan mơ màng nhớ thời sinh viên kỹ sư Phú Thọ với mái tóc bành bồng, và nụ cười vô cùng quyến rũ chết người của mình! Hôm lên máy bay từ Á Rập trở về Mỹ nghỉ hè, sắp sửa gặp lại Thái và Lê, tuy không nhớ rõ mặt mũi và hình dáng của Thái mặc dầu cùng là bạn học chung lớp trong ba năm cuối cùng của miền Nam tự do, nhưng Phan vô cùng hào hứng với lá thư của Thái gửi kèm theo tấm hình cũ phai mờ phảng phất nét đẹp của người thiếu nữ rất quen thuộc. Thấy vợ đã ngủ say, Phan lén lấy tấm hình dấu kín trong bìa sau

cuốn sổ thông hành ra coi, và đọc đi đọc lại lá thư của Thái nhiều lần:

“Phan,

*Cách đây hơn ba mươi năm ở Harrisburgh, Pennsylvania, tao quen một gia đình người Quảng có bốn chị em; cô chị rất đẹp. Đạo ấy gái Việt ở Mỹ còn ít lắm; nên bọn thanh niên mất bò, hay chưa có bò như tao bỏ học kéo đến nhà trở tài chinh phục nàng rất ồn ào làm hàng xóm mất ngủ! Nghe tao là cựu sinh viên kỹ sư Phú Thọ, nàng vốn vờ hỏi thăm. Khỏi cần nghe nàng mô tả hình dáng người yêu cũ rất quyến rũ của nàng thêm chi nữa, tao đã biết ngay người ấy là ai? Kể từ hôm đó, tao bỏ cuộc, không tranh tài nữa. Nhờ vẫn giữ liên lạc lai rai với thằng Hưng, em của Ngọc, tao cho mày số điện thoại để nói lại mối tình cũ...”*

Vừa về tới Mỹ, Phan chào hỏi gia đình Thập Toàn Mỹ Nhân qua loa, rồi lên ra đường bỏ tiền xu vào máy điện thoại công cộng gọi cho Ngọc. Phan hồi hộp chờ nghe lại giọng nói êm đềm ngọt ngào năm nào; thỉnh thoảng một giọng đàn ông bên kia đầu dây phát ra lạnh lùng:

- A lô!

Tự nhiên Phan rét run nói lắp bắp:

- Phan là bạn cũ cùng quê với Ngọc...

Chưa nói hết câu, người bên kia giận dữ quát:

- Vợ tôi không quen ai người xứ Quảng cả! Hiểu chưa? Cút xéo!

# Rác?

*Xin lược thuật hai câu chuyện về “RÁC” để các Bạn phán xét trước khi có hành động cụ thể vì khi tác động sẽ tạo Nghiệp hoặc Thiện hoặc Ác.*

## **1. Câu chuyện thứ nhất: RÁC ở trong Chùa**

Sống sót trở về sau chiến tranh tàn khốc giữa thập niên bốn mươi, Soko Morinaga tìm về căn nhà cũ, trực diện với những khó khăn và mất mát tận cùng của đời người. Cha mẹ không còn, anh chị em phân tán, nhà cửa, tiền bạc bị tịch thu. Ông cố ngoi lên bằng ý chí trở lại học đường nhưng đành chào thua vì cuộc vật lộn cam go đó khi bao tử thường xuyên lên tiếng kêu khóc.

Giữa quạnh hiu đồ nát cả thân và tâm, một sự mâu nhiệm kỳ diệu nào đã dẫn bước chân vô định của Soko tới trước cửa chùa Daishuin ở Tokyo. Ngược nhìn mái chùa rêu phong, lưỡng lự đôi ba phút rồi Soko mạnh dạn bấm chuông. Người mở cửa chính là Đại sư Zuigan Goto. Soko ngỏ lời xin được đại sư thâu nhận làm đệ tử. Đại sư chỉ hỏi một câu duy nhất:

- Ngươi tin ta chứ? Nếu không tin ta thì có ở đây bao lâu cũng chẳng học được gì, phí công ta thôi.

Soko trả lời:

- Con xin hết lòng tin tưởng sư phụ.

Đại sư mở rộng cửa, lạnh lùng truyền:

- Theo ta.

Soko líu ríu theo vào. Tới góc sân, đại

sư chỉ cây chổi tre, ra lệnh:

- Quét dọn vườn.

Trước khi cầm chổi, Soko quỳ xuống bái tạ đại sư đã thâu nhận mình.

Công việc quét vườn thì có chi là khó, Soko hăng hái quét, quét và quét. Không bao lâu đã gom được đồng rác cao nghệu đầy đất, sỏi, đá vụn và lá khô. Dừng chổi, Soko lễ phép hỏi:

- Bạch thầy, con phải bỏ đồng rác này đi đâu ạ?

Bất ngờ, đại sư quát lên:

- Rác, người nói gì? Không có gì là rác cả!

Soko ngẩn ngơ nhìn đồng chiến lợi phẩm, không hiểu đây không là rác thì là gì? Còn đang lúng túng thì đại sư lại bảo:

- Vào nhà kho kia lấy cái bao nhựa lớn ra đây.

Khi Soko tìm được bao nhựa mang ra thì thấy đại sư đang dùng hai tay, gạt đám lá khô sang một bên. Ông lại bảo:

- Mở rộng miệng bao ra.

Soko tuân lời, lẳng lặng theo dõi thầy mình quơ từng ôm lá, bỏ vào bao, thỉnh thoảng lại giậm giậm cho lá xẹp xuống. Cuối cùng, những lá khô trong đồng rác đã được nhồi vào bao, cột lại. Soko lại nghe

lệnh truyền:

- Đem bao lá này vào nhà kho, để dành đun nước tắm.

Vừa vác bao lá trên vai, Soko vừa nghĩ:

- Còn đồng đất đá, không phải rác thì dọn đi đâu?

Ấy thế mà khi ở nhà kho ra, Soko thấy đại sư đang lượm những viên sỏi, đá vụn ra. Trước vẻ ngần ngại của Soko, ông vừa hỏi, vừa sai:

- Có thấy hàng hiên ngay dưới máng xối kia không? Có thấy những chỗ bị nước mưa xoáy lồi lõm không? Đem những sỏi, đá vụn này ra, trám vào những chỗ đó.

Soko vừa làm, vừa thán phục thầy mình, vì quả thật, sau khi trám, không những chỗ lồi lõm bằng phẳng mà còn đẹp hẳn lên nữa.

Bây giờ, đồng rác (theo Soko) chỉ còn lại đất và rêu. Lần này thì chắc chắn phải hết, đổ đi rồi. Nhưng kinh ngạc biết bao khi Soko quay lại sân, thấy thầy mình thông thả nhặt từng miếng đất, từng tảng rêu trên tay, rồi chậm rãi nhìn quanh, tìm những khe tường nứt, những chỗ lõm nhỏ trên mặt đất, từ tốn trám vào.

Bây giờ thì đồng rác không còn đó. Nhưng cũng không phải là vật phế thải vô dụng gom quẳng đi đâu. Mỗi loại rác, nếu biết tận dụng, sẽ lại trở thành hữu ích.

## **2. Câu chuyện thứ hai: CHIẾC XE RÁC** (Do bạn gửi đến bằng email)

Một người đàn ông đang ngồi trong chiếc xe taxi trên đường vội tới phi trường.

Chiếc taxi đang đi rất đúng luật thì

bỗng có một chiếc xe bất cẩn từ đường nhỏ phóng ra và suýt gây ra tai nạn.

Người tài xế chiếc xe nọ quay đầu lại chỉ inh ỏi còn người tài xế taxi thì chỉ cười và vẫy tay mà chẳng tỏ ra một chút bực bội nào.

Thấy lạ, người đàn ông lên tiếng hỏi thì được người tài xế taxi giải thích như sau:

- Nhiều người như những chiếc xe rác. Họ chở theo đầy những loại rác bực bội, nóng giận và chán chường. Rác quá đầy, họ cần phải trút bớt và chẳng may chúng ta đang ở đó. Nhưng điều đó không có nghĩa là chúng ta nên nhận lấy mớ rác đó và lại đi rải lên những người khác hoặc đem về nhà.

Cuộc đời thật ngắn ngủi, đừng để những xe rác ấy làm hỏng đi một ngày của mình. Cứ vui vẻ với họ đi vì những điều chung quanh chỉ quyết định 10% trong khi chính chúng ta là người quyết định 90% cuộc sống của mình.

Sau khi, đọc qua hai câu chuyện trên, các Bạn sẽ nghĩ gì về RÁC trong cuộc sống hàng ngày. Thực tế, rất đơn giản chỉ có hai câu trả lời:

- Không có RÁC trong cuộc sống này. các Bạn đã tự dối lòng mình vì câu trả lời không trung thật.

- Có rất nhiều RÁC trong cuộc sống này. Nếu như thế, các Bạn tự hỏi mình đã mang bao nhiêu thứ RÁC vào bản thân, vào gia đình, vào bạn bè, vào chôn Già Lam, vào dân tộc v.v.... Các Bạn biết mình đã làm gì và hậu quả ra sao với các thứ RÁC đó? Các bạn đã hỏi tức trả lời vậy.

Dâu CN8

# THẰNG KHỈ

Baikylac



Nhìn tấm hình gửi từ quê nhà, tôi không thể nghĩ rằng đây là ông anh họ của mình. Gần tròn 4 giáp mà ông già quá đỗi. Mặt mày đen đúa, nhăn nhúm, duy chỉ có cặp mắt vẫn còn tinh, trông giống như biệt hiệu «thằng Khi» mà hàng xóm đặt cho anh.

Thật ra thì anh tên Thân. Vì đẻ năm này, và ...ngặt cái từ nhỏ ông phá như khi nên riết rồi cả xóm đều kêu ông là «thằng Khi».

\*\*\*

-Trật rồi, chạy lẹ cu Long.

-Vừa nghe tiếng kêu, tôi chưa biết ất giáp chi, lại không thấy ông anh họ đâu cả. Còn chân chừ thì đã nghe tiếng rủa từ trong nhà thiếm Sáu vọng ra :

- Trời đất ơi! cũng thằng Khi nữa. Nhà nó nó không phá mà cứ phá nhà tôi hoài vậy trời ! Chiều nay tao qua nói với anh chị Ba cho mày sung đít nghe con...Thằng

Khỉ mày ở đâu... ra đây.

Hoảng hồn tôi co giò chạy một mạch về hướng chùa, đến lúc không còn nghe tiếng của thiếm Sáu mới chậm chân lại, thở hào thở hển. Chưa tỉnh thần, thì lại nghe tiếng khọt khọt đâu đây. Đảo mắt quanh quần chẳng thấy gì. Bỗng có tiếng kêu nhỏ :

-Me nè, chụp đi cu Long.

Liên theo đó, một cơn mưa me từ trên trời bay xuống. Ngược nhìn lên, đã thấy ông anh họ đang vắt vẻo trên ngọn cây me thấy mà lạnh mình. Cây me trước chùa nghe nói vì tội nhỏ như «quỷ phá nhà chay» nên ông thầy trụ trì đã ếm bùa không cho leo lên. Và nghe nói đâu đã có mấy thằng bướng bỉnh, cứng đầu bị té gãy xương rồi, vậy mà ông Khi này không biết sợ là gì.

Vừa lượm me, tôi vừa cầu nầu :

-Ông bắn chim sao trật d..uột, may phước là nhà tôn, chứ gặp nhà ngói như bữa trước không chừng bẻ ngói, người ta

bắt đền thì tui với ông chắc nức đít.

Vẫn còn tồn teng trên cao, ông Khi thanh minh :

-Tại hôm nay xui.

Tôi vẫn còn ám ức :

-Muồi lần theo ông, chạy thực mạng hết chín lần, còn gì mà xui.

Chưa lượm xong đám me, đã thấy ông Khi nhảy xuống một cái rột, bỏ nhỏ :

-Chạy mà, hình như ông thầy ra kia.

Lần này thì chẳng dám nán lại một giây, tôi chạy ù theo ông Khi miệng lại la :

-Chạy hoài ! Lần sau tôi không theo ông nữa.

Nói vậy chứ lần nào ông đến rủ rê, ngó trước ngó sau không có người lớn ở nhà là tôi theo ông anh họ tức khắc.

Tuy là anh họ, nhưng ông Khi nhỏ tuổi hơn tôi và là người bày chuyện chơi hàng ngày. Từ bông vụ, bắn cu li, đến bắn chim...trong các trò chơi, ông đều trội hơn nhờ cái tinh nghịch.

Nhớ lúc hai anh em cùng đi học bơi ở hồ tắm Cứu hỏa đường Trần Hưng Đạo. Sau mấy tuần, đến bài tập phối hợp cuối, ông Khi đã lợi ào ào, còn tôi thì vẫn cứ chìm mỗi khi thầy huấn luyện buông tay dưới bụng. Xong buổi tập, ai nấy sửa soạn vào thay đồ. Ông Khi còn nán lại, miệng kêu tôi trong khi mắt lom lom nhìn xuống đáy hồ như muốn chỉ vật gì. Tưởng thiệt, tôi banh mắt cố nhìn cho rõ. Bất thành lình ông Khi tặng cho tôi một đạp xuống hồ. Và ...tự nhiên các động tác tay, chân, thờ được tôi phối hợp nhiên như từ đó.

Tinh nghịch phá phách đã khiến ông

Khi ăn roi không ít, mà tôi cũng bị họa lây. Có một lần cũng bị rượt chạy vì đi khều nhãn nhà hàng xóm. Lúc chui qua hàng rào thì không sao. Nhưng đến lúc bị động chui trở ra, ông Khi lọt tót không hề hấn gì, riêng tôi thì gai kềm mắc tùm lum. Kết quả thoát được, nhưng tay chân suốt máu. Về đến nhà bị Tía tôi đập cho một trận và xách thằng nhỏ xuống bệnh xá hỏa xa nhờ khử trùng băng bó và lụi 2 mũi vào bụng ngừa phong đòn gánh. Giận lắm, vậy mà qua vài ngày sau, ông Khi thập thò rủ rê là tôi biến theo ngay.

Nói vậy chứ ông Khi cũng bị tổ trác một lần khá nặng. Lần đó sau khi đi tảo mộ ở dưới quê xong, trên đường lái xe về Sài-Gòn qua khỏi Long-An, ông Khi đòi xuống đi tiểu. Xong xuôi đâu đó, xe chạy đâu được gần cả cây số, ông Khi mới phát giác là cửa xe đóng không kỹ nên bị gió lay kêu lập cập từng chập như người trúng cảm lạnh. Không đợi xe ngừng lại, ông Khi mở cửa xe tính đóng lại, nào ngờ cửa bọc gió cuốn ông bay ra một cái vù. Thời đó không nhớ là có phim điệp viên 007 chưa, chứ nhìn thấy ông Khi tay bấu chặt cửa đu phát phới theo chiếc Simca đâu được khoảng ...5 giây đồng hồ là phải nể biết chừng nào. Đến chừng Bác tôi thắng và dừng xe lại thì ông con đã « dù không bọc » rớt cách đó 50 thước. Cả nhà ai nấy trên xe tưởng thằng nhỏ ( lúc đó mới 8 tuổi) thế nào cũng toi mạng. Nhưng nhờ tuổi khi nên cũng tai qua nạn khỏi, ông Khi chỉ trầy da đầu... mấy mảng.

Có thể nói trên đời này ông không biết ngán một ai. Luôn cả thần thánh mà ông Khi cũng còn dám giỡn mặt. Nhớ lại hồi

dưới tiểu học, hai đứa tôi tuy là dân lương nhưng lại học trường đạo. Thuở đó mấy sư huynh và mấy thầy ở Lasan nghiêm và «dữ» ghê hồn. Nhớ hoài những buổi sáng vào lớp, sau khi đọc kinh xong phải trả bài liền 10 câu giáo lý không được vấp vấp. Tên nào không thuộc bài là bị quỳ. Cái khoảng này tôi và ông Khi thường xuyên lãnh đủ. Nhưng dần dà trong suốt 5 năm, giống như đọc kinh, nghe cả lớp đọc riết, không học cũng tự nhiên thuộc. Theo giáo lý, người công giáo một năm phải xưng tội và rước lễ ít nhất là một lần, nhất là trong mùa Phục sinh. Biết rõ vậy mà mỗi dịp có giám mục xuống làm lễ trọng, ông Khi là dân « ngoại đạo » chưa bao giờ chịu phép rửa tội và cũng chưa bao giờ xưng tội. Thế mà dám lên rước lễ ăn bánh thánh một cách tinh queo như người có đạo. Đã vậy mà còn bình phẩm «bánh thánh ăn lạt nhách». Giê su ma lạy Chúa tôi ! Kiểu này ông chỉ có nước bị đày xuống hỏa ngục đời đời.

Ai ông cũng không sợ ngoại trừ Chú Năm tức là Tía tôi. Chuyện là khi Tía tôi bị mấy ông du kích «giải phóng» tan xác trong lúc lái tàu ô tô ray (autorail) ra Mường Mán. Ai nấy trong xóm đều nói là Tía tôi «đi» lúc ngủ (vì ông giao cho tài xế phụ lái) thành ra linh lắm. Mấy chú, bác thường đánh cờ tướng với Tía tôi, đôi lúc có kể lại nằm mơ thấy ông về rủ rê đánh cờ. Tiếng đồn này sang tiếng đồn khác khiến cả xóm ai cũng ón. Riêng ông Khi thì sau lần Tía tôi hiện về nói với bác Ba gái (má ông Khi) «Thằng Khi nó phá mấy cây kiềng của tôi trông ngoài sân. Chị không nói nó, tôi bẻ lọi tay nó chị đừng có trách». Cho nên mỗi lần đến hú tôi đi chơi, ông Khi cứ nom nớp sợ và không bao giờ dám đặt chân bước

lên gian nhà thờ Tía tôi, vì «nhìn hình chú Năm tao ón quá! Mỗi lần bước vô, tao đi đâu, ông cứ nhìn theo đó, phát nổi da gà!»

\*\*\*

Rồi thời gian trôi dần theo năm tháng. Chiến tranh phá hoại phát động từ những người “giải phóng” ngày càng gia tăng. Nhiều nhất là trong những vùng xôi đậu; ban ngày quốc gia gỡ mìn phá mìn, ban đêm “mấy ông” đắp mìn gài mìn. Tới tuổi nhỏ giò, ông Khi không còn nghịch ngợm kiểu như xưa, nhưng ông nghịch kiểu khác. Tôi còn nhớ có một năm khoảng gần Tết, dịp về quê tảo mộ. Lần đầu tiên hai thằng tôi thấy máy bay “đầm già” rải truyền đơn. Tờ truyền đơn này rất hấp dẫn, một mặt in giấy 5 đồng màu gạch cua, một mặt là lời kêu gọi các cán binh cộng sản quay về với Việt Nam Cộng Hoà. Không sợ trời trăng mây nước gì cả, ông Khi rủ tôi băng đồng chạy đi lượm. May phước là không bị mìn hay chông. Gom đầy túi, ông Khi kêu tôi xếp mỗi tờ lại làm bốn, để mặt in tiền ra phía ngoài. Trở về Sài-gòn, ông Khi đem truyền đơn chiêu hồi đi đánh bầu cua cá cọt trong những ngày Tết. Chẳng biết ông Khi có bị “bê “ không. Tôi thì rét và phân nửa, ky nhà bị mắng vồn trong mấy ngày Tết nên không dám thắp tùng. Còn ông Khi, thấy rất lạ đời. Tết năm đó ông rất bảnh, bao tôi đi ăn kem và ci nê dài dài. Bỏ ngoài tai tin đồn ầm có tiền giả trong xóm. Tiền nếu ngó kỹ sẽ thấy hình bà Nhu!!!

\*\*\*

Lên đến trung học, cũng chung một trường nên hầu như tuần nào tụi tôi với đám bạn đều kéo ra sân Hoa Lư đá banh. Ông Khi nhỏ nhất trong bọn, thêm cái

nhanh như ...khí nên được giao làm thủ môn. Đúng là nghề của chàng, cho nên phe “đôi phương” không tài nào bung “lưới” “thủ môn” Khi được. Cũng bởi đôi tay khi, chụp banh dính như nhựa khiến có một lần, đây là lần đầu mà cũng là lần cuối, ông Khi lỗ mũi ăn trầu vì cú đá xấu của “tiền đạo” phe bên kia. Thấy máu me cả đám đăm lo và muốn nghỉ trận đá. Nhưng ông Khi vừa xia thuốc vào mũi để cầm máu, vừa nói một cách chắc nịch:

-Không sao, tụi mình chơi tiếp.

Chừng năm phút sau, đội nhà lại bị tấn công tới tấp. Phe ta cố gắng ngăn chặn; chùi banh, chẹt căng, luôn cả níu quần ... (đá banh cởi trần cho nó mát!). Nhưng phe bên kia đều lướt tuốt. Thôi đành bó “chân”, không còn cách chi ngoại trừ để ông Khi “bơ vơ” một mình đối đầu với “đôi phương”. Nhìn thủ môn khi thấy mà tội, mũi còn xia thuốc mà giờ phải...”nan địch quần hồ “. Lại thấy cũng thằng “tiền đạo” khi nãy đang dẫn banh cách ông Khi không hơn năm thước. Tôi chắc mềm hôm nay “lưới” “thủ môn” khi sẽ bị “thủng” dài dài, và cả đám phải hè nhau vác cần sé đem về.

Không muốn chứng kiến cảnh “sinh tử” này, tôi thở dài... “quay mặt”. Nhưng bỗng dưng nghe tiếng reo hò của phe ta ... “dính rồi!”. Một giây đồng hồ sau chưa kịp quay lại thì nghe thằng Nam “Bắc kỳ” “trong phe ta” thất thanh:

-Bỏ bu dzòì, chắc chết mất !

Ông Khi bị nạm nữa ư, có lẽ nào “họa vô đơn chí”?

Ba chân bốn cẳng, cả đám kéo u lại

để chứng kiến một ...”nghịch cảnh” tại “hiện trường”; cảnh tượng rằng “chấu ngã ai dè voi lăn”. Thằng “tiền đạo” phe bên kia đang nằm thẳng đo, mặt mày trắng dã, không thấy thở. Cả đám phe ta lẫn phe “bạn” có biết mô tê chi rạ. Đang còn ngỡ ngác chưa biết tính sao. May phước có một ông anh xông vô, đỡ thằng nhỏ dậy và xốc nó như xin sấm. Xốc đâu ba bốn cái, thằng “tiền đạo” thở ra một cái khí. Anh lớn buông nó ra và giảng cho cả đám nghe:

-Tụi bây đá banh mà giống như đá đá vậy?

Xoay qua ông Khi, anh dọa:

-Banh không chụp mà mây chụp dể nó, có ngày nó tắt thở luôn thì mang họa nghe em !

Đang lo méo mặt, nghe câu này cả bọn phe ta lẫn “địch” cười bò lăn. Riêng ông Khi đang hồi hận như bị cáo trước tòa nay được luật sư biện hộ cho giảm án, mừng hết lớn, hớn hở ra mặt, phân bua:

-Ồ, tại của nó lớn quá cỡ, chứ em chỉ bóp có nhẹ hiu mà!

Lần này thì ai cũng không thể nhịn cười. Riêng thằng Nam “Bắc kỳ” “cười sặc sụa:

-Giời ạ! nhẹ tay mà nó đã nín thở, bằng không chắc nó nát nghú như tương tàu quá. Ngọc hành chứ nào phải banh, bó ơi!

Xong trận đó ông Khi “giải nghệ”.Đội banh vì thiếu một thủ quân “độc nhật vô nhị” cũng giải tán không kèn không trống.

\*\*\*

Sau khi đậu kỳ thi tuyển vào đệ ngũ kỹ thuật, tôi chuyển trường. Phần thời khóa biểu dày đặc sáng chiều, nên tôi ít có dịp

lân la cùng ông Khi như trước. Thăm thoát đã đến “tuổi biết buồn”, nhưng ông chẳng bao giờ biết buồn. Bỏ thể thao, ông Khi chơi văn nghệ, đi học đánh trống. Không biết đánh đập thể nào mà ông trở thành “tay trống” của trường. Còn nhớ có năm ông Khi mời tôi “về” xem Văn nghệ Tết trường và nhân dịp thưởng thức tài nghệ của tay trống chính thức trong ban nhạc. Thật vậy, trong những màn vũ, màn hợp ca, ông Khi đánh nhịp nhàng ngon lành. Nhưng những bài đơn ca, đặc biệt đơn ca nữ, thì hình như ông đánh không được “đều tay”. Có bản ông đánh rất tuyệt, có bản ông đánh đôi lúc... quá nhanh, hay ... quá chậm và “đập” ... quá tay khiến “ca sĩ” và cả ban nhạc đành phải “cuốn theo chiều gió”. Đang sì lô chậm, ông ru lê chuyên qua sì lô róc, chạy đua 68 nhịp một phút khiến “ca sĩ” ca như chạy giặc, không biết đường nào vô, lối nào ra. Có bản đang đánh Chachacha sôi động, ông dậm trống chuyển qua Rumba, khiến “ca sĩ” đang nhún nhảy lã lướt, bất thành hình như xe bị sặc xăng, cà khụng nhích nhích từ từ. Hôm đó khỏi đợi tới màn kịch chọc cười, tất cả “khán giả”, nhất là khán giả “trẻ” được dịp hô hô ha há thoải mái, vỗ tay, huýt sáo không ngừng.

Xong buổi văn nghệ, tôi khều ông Khi hỏi nhỏ :

-Bộ lúc tập, ông đánh như vậy à?

Ông nhe răng cười:

-Đâu có, tao vẫn đánh ngon lành mà!

Tôi nghi ngờ, móc tiếp:

-Ừ, ông đánh tuyệt. Nhưng có bài ông đánh sao ba trọn quá. Nói thiệt đi.

Ông gãi đầu như Tôn Ngộ Không, thú

nhận và bào chữa:

-Tại lúc tập, mấy con nhỏ nó ba trọn với tao làm chi !

\*\*\*

Sang Tết, ông Khi mất tầm một thời gian khá lâu. Thường thì cuối tuần ông hay đến rủ tôi đi chơi. Nhưng lần này mãi cả mấy tháng sau ông Khi mới đến, người coi đen đúa hơn trước. Ông đến rủ tôi trở lại hướng đạo, nhưng vào hướng đạo quân đội. Hỏi sao không vào hướng đạo VN. Ông trả lời hướng đạo quân đội ngon hơn. Tôi không biết ngon cái chỗ nào, chỉ thấy hàng cuối tuần ông Khi đi họp trại đều có xe nhà binh đưa về tận nhà. Và nghe nói thỉnh thoảng được cho đi cắm trại xa tận Vũng Tàu, Nha Trang hay Đà Lạt. Tôi không thể đi với ông Khi vì lúc này bài vở khá nhiều, thêm nữa cuối tuần tôi có chương trình khác. Tuy nhiên, ông anh họ tôi đã kéo được hầu như cả đội đá banh thuở trước theo ông.

Không biết rõ sinh hoạt trong hướng đạo quân đội. Nhưng tôi nghĩ tất cả đều có chung điều tâm niệm “Làm bổn phận đối với tín ngưỡng tâm linh, tổ quốc, và quốc gia”. Những bổn phận đó càng cấp bách, khó khăn hơn sau những cuộc tàn sát mù quáng do “giải phóng quân” gây ra trong Tết Mậu Thân ở Huế. Những bổn phận đó càng nặng nề nguy hiểm hơn sau những trận mưa pháo vô nhân của Bắc quân vào An Lộc, trên Đại Lộ Kinh Hoàng trong Mùa Hè Đỏ Lửa. Có thể qua nhận thức những bổn phận người trai trong thời chiến và qua sự “gần gũi” những người khoác áo lính, ông anh họ tôi đã quyết định dấn thân vào quân đội khi tuổi mới vừa 18. Bạn bè trong nhóm cũng thế, hầu hết vẫn còn



điều kiện tiếp tục việc học, nhưng họ đã lần lượt giã từ bút nghiên, lao mình vào cuộc chiến. Họ có biết đâu đây là một cuộc chiến sắp tàn trong uất hận, một cuộc chiến không cân sức. Bàn cờ thế giới đã được chuyển qua thế trận khác. Đồng minh đã ngoảnh mặt, quân đội bị bức tử, và những người lính bảo vệ phần đất tự do còn lại đã bị khoá tay trước họng súng của Bắc quân xâm lược.

Ba Mươi Tháng Tư Năm Bảy Lăm, tan hàng, anh đành cất áo lính trong nỗi đau bất tận. Đám bạn, có đứa trở về, có đứa đã ra khơi, và có đứa đã ra đi vĩnh viễn. Là chuẩn úy mới ra trường nên anh thoát được tập trung “cải tạo” nơi núi rừng xa thẳm. Một thân một mình, không vướng bận thế nhi, lẽ ra anh không phải cực nhọc nhiều trong việc mưu sinh. Vậy mà đôi khi tình cờ tôi thấy ông Khi đang nhớn nhó “phe phẩy” ở khu chợ trời thuộc tây Phạm Hồng Thái. Có lúc ông lại cà lơ phát phơ gần góc Hồng Thập Tự - Lê Văn Duyệt chào hàng với danh sách truyện “phản động và đòi tự do”. Tây Ta Tàu gì cũng có; từ Docteur Jivago, Đường Đi Không Đến, Thủy Hử... đến Bonjour Tristesse, Chú Tư Cầu, Giòng Sông Ly Biệt... dài như số ông Táo. Hỏi ra mới biết ông không quên được những đàn anh, niên trưởng đang bị tù đày “Tao đang ráng chạy cho kịp kỳ thăm nuôi mấy ông. Gia đình họ giờ kiệt quệ, thảm lắm!”

Nghe thấy vậy, tôi chỉ biết như vậy, nhưng tôi linh cảm ông Khi không chỉ dừng nơi đó. Có lần ông hỏi tôi chuyện ông Kỳ và tướng Trương cùng về lập chiến khu. Tôi trả lời không biết. Ông lại hỏi về cuộc dừ trừ đổ bộ Thủy Quân Lục Chiến

từ ngoài biên vào với tướng Lân. Tôi lại càng không biết. Sau cùng ông đặt thẳng vấn đề là Mặt Trận Giải Phóng đang bất mãn vì bị giải tán, họ đang liên kết cùng Thành Phần Thứ Ba để lập mặt trận kháng chiến. Họ đang ngằm kêu gọi mọi người cùng tham gia, tôi có vào không. Tôi trả lời rằng tôi không tin chuyện đó. Vì trên, Việt cộng đã nắm đầu, nắm tịch hết các chớp bu của thành phần này. Còn dưới, mạng lưới tình báo “nhân dân”, nhất là Thành Phần Ba Mươi Tháng Tư, đã được Việt cộng cài khắp nơi, không những từ phường khóm mà đến từng gia đình. Tôi khuyên anh nên thận trọng với những tin đồn đại trên. Anh im lặng và không bàn tiếp.

Khuyên thì khuyên, nhưng tôi biết ông Khi luận tính theo ông nghĩ. Đành cầu mong cho chuyện dữ đừng xảy ra.

Và rồi hơn bốn tháng sau. Nửa đêm cả xóm đều bị đánh thức bởi tiếng xe Molotova. Mọi người đều hồi hộp lo sợ và chứng kiến qua khe cửa; Công an Thành (phố), xuống dày đặc. Chúng đọc lệnh bắt ông Khi cùng một số bạn trong nhóm đá banh và Thầy trụ trì. Nghĩ rằng do sự liên hệ họ hàng, sự tới lui giữa tôi và ông Khi, hoặc sẽ không chịu đựng được những buổi lên “làm việc”; không có cũng phải khai cho có, trước sau gì tôi cũng không thoát khỏi tù đày. Nhưng chắc hẳn ông Khi đã im lặng hoặc không đề cập gì, nên tôi vẫn còn được ngoài vòng tù tội đến lúc vượt biển sang Pulau Bidong.

Chúng tôi biệt tin nhau từ đó.

\*\*\*

Hơn hai chục năm sau, đến lúc bắt được liên lạc thì mới hay anh ra, rồi lại vào tù

bao lần. Lần ra sau cùng cách đây gần 4 năm. Hai bác tôi đã qua đời, nên anh xin về nương náu ở nhà Má tôi một thời gian.

Rồi bỗng dưng tôi được tin ông Khi lấy vợ.

Chuyện thật hi hữu! Thư anh kể lại:

“... ”

Mày nghĩ coi, tao thuộc loại mà công an nhả mặt, nhà tù XHCN chê không muốn chứa nữa thì còn ai cảm cho vô. Phần tuổi tác mình đã quá date rồi. Ai nào ngờ, vậy mà có người thương.

Chuyện là mới ra tù, về đến Sài Gòn. Xuống xe là tao vội tạt đại vào một cái quán, kêu ly cà phê hóp một hóp cho nó thắm đấng thắm đen. Xong, rít một hơi thuốc hút, ngửa mặt phà cho đời tan biến trong giây lát. Khói chưa tan biến mà tao đã lại thấy “bác” trước mặt. Chân dung “bác” lù lù trên vách, vẫn “tươi cười” với thằng mới ra trại “cải tạo“, thế mới khổ!

Biết gu “bác” ưa ba số 5, tao vét tiền mua một điều và xin phép cô hàng cà phê được đốt phúng “bác”. Nhìn tao, cô biết ngay là dân “cải tạo“ mới về. Ngạc nhiên cô tò mò hỏi duyên cớ. Tao “thật tình” trả lời là nhờ ơn “bác” tao đã được “học tập tới, học tập lui” gần hai mươi năm. Cô cười ngất và “đồng tình”: “Thế thì em cũng bắt chước anh phúng “bác” một điều. Bố và chồng em cũng nhờ ơn “bác” mà được giải thoát lên niết bàn sớm đây! Bố em thì tới tận ngoài Bắc cơ!”

Nghe cô nói tao khoái quá. Nhưng còn tiếc của, nên đề nghị thôi không phúng “bác” thuốc ngoại, “ta về ta tắm ao ta” hay hơn. Xin miếng giấy và bi thuốc lào, tao

ve thành điều thuốc rê, đốt lên, le lưỡi bập bập vài cái rồi dán lên ngay miệng “bác” để gọi là “tưởng nhớ “ công ơn trời biển của “người“.

Trong quán ai nấy “cười“ thất kinh. Có người lặng lẽ bỏ đi ra, nhưng ngang qua bàn lại kín đáo dúm cho tao mớ tiền.

Sau lần đó tao được cô chủ mời uống cà phê chùa dài dài. Và để trả nợ, tao cũng tình nguyện phụ bán cà phê suốt đời cho Nàng. Mày thấy đó, âu cũng là duyên nợ!”

Tôi gửi thư chúc mừng hạnh phúc anh chị, và có hỏi về những dự định trong tương lai của hai người.

Thư mới nhất có kèm theo theo tấm hình gia đình anh chị, cho biết:

“Tết này nếu tính tuổi ta thì tao đã vào tuổi tri thiên mệnh, đi đâu bây giờ? Hơn nữa, Nàng tuy kém tuổi hơn tao, nhưng đưa con gái duy nhất ra đời không bao giờ thấy mặt Bố, nay đã có chồng có con rồi. Tao cũng được mang danh chức ông ngoại kè.

Nói gì thì nói, thằng Khi tao vẫn trụ lại đây để xem ngày tụi đười ươi (đít) đỏ vẫn tuồng. Xem tại chỗ vẫn khoái hơn mày xem trên truyền hình qua vệ tinh đó chứ!”

*Baikylac*

## THƯ GỬI BẠN

# MẮT

## qua ca dao tục ngữ

(Viết bài này nhân một anh bạn của tôi vừa đi mổ mắt về)

NGUYỄN GIỤ HÙNG (CN09)

Thân gửi các anh,

Thế này nhé, khi đi mổ mắt về, ta có nhiều điều vui và cũng lắm điều buồn. Vui vì ta *được nhìn thấy rõ* và ta cũng buồn vì *bị nhìn thấy rõ* những sự việc xảy ra quanh ta, như tôi nhìn cô hàng xóm, trước khi mổ mắt thì thấy cô ấy "đẹp đẹp" theo cái nhìn "mờ mờ nhân ảnh" của mình, và sau khi mổ mắt thì nhận ra cô ta có những cái đẹp lên nhưng cũng có cái xấu đi theo cái "tinh tường" của đôi mắt ấy.

Còn như ở Việt Nam ta, ta không cần phải đi mổ mắt mà ta vẫn được "sáng mắt ra" vì những nghịch cảnh luôn luôn xảy ra cho chính ta hay cho những người chung quanh ta trong đời sống hàng ngày. Nếu các anh không tin thì xin các anh hãy cứ về Việt Nam một chuyến để thấy một lần cho biết thế nào là "sáng mắt ra" mà không cần phải đi mổ, vừa tốn tiền lại vừa đau. Ôi thôi ! ở đó thì có đủ thứ làm ta "sáng mắt sáng lòng"!

Nay tôi chỉ xin nói chuyện với các anh về vài điều liên quan tới "mắt" qua ca dao tục ngữ, tiếng nói *tinh tế* và *chân chất* của người Việt Nam ta.

Này nhé, tôi đố các anh:

-Con gì *trên lông dưới lông, tối lông làm một* ?

-Đó là **con mắt**.

-Đúng !

Trước hết tôi xin nói về TÊN CỦA MẮT.

Vì mắt được ví von "*mắt là cửa của tâm hồn*", tức là muốn đi vào tâm hồn của ai thì ta phải đi qua cái cửa ấy. Mắt là "cửa tâm hồn" nên mắt cũng có nhiều dáng kiêu và kích thước khác nhau như cửa nhà và tên gọi của chúng cũng khác nhau theo đúng tinh thần "nhìn mắt đặt tên" (chứ không phải "nhìn mặt đặt tên")

Khi đặt tên cho mắt, người ta thường dùng theo **hình dáng** của vật thể hay của sinh vật nào đó mà gán ghép cho chúng : Mắt to và lộ ra ngoài thì gọi là *mắt lồi*, *mắt ốc nhồi* hay *mắt cá vàng*; mắt nhỏ và dài như lá tre hay lá rau răm thì gọi là *mắt lá răm*. Mắt tròn và đen nháy như mắt con bò câu thì gọi là *mắt bò câu* . . . Và cứ như thế ta có một số tên gọi của mắt như nào là (*ti hí*) *Mắt lươn*, *Mắt* (bé như) *hạt đậu*, *Mắt cú vọ*, *Mắt diều hâu*, *Mắt doi* (mày chuột), (giương như) *Mắt éch*, *Mắt lợn luộc*, *Mắt rắn ráo*, *Mắt sắc* (như dao cau), *Mắt thánh* (tai hiền), (lừ lừ) *Mắt voi*, (mày ngài)

*Mắt phượng. . .*

Thấy em nhỏ thó lại có hồng nhan,  
chân mày loan *con mắt lộ*  
Anh đi giáp lục tinh này,  
không ai ngộ bằng em.

Ngoài hình dáng ra, mắt còn có tên theo  
**màu sắc** như mắt đen, mắt nâu, mắt xanh, mắt  
long lanh, mắt thủy tinh, mắt đỏ, mắt trắng  
(môi thâm) . . .

Câu đây có gái bán hàng  
Có đôi rùa đá có nàng bán cau  
*Mắt xanh* tươi thắm môi trầu,  
Miệng cười núng má cho câu thêm xinh  
Người khôn con *mắt đen sì*,  
Người dại con *mắt nửa chì nửa than*.  
Hò ơ . . . Phù sa nước đục khó dòm,  
Nhớ anh em khóc... (ờ)

Hò ơ... nhớ anh em khóc *đỏ lòm con  
ngươi*.

Mắt không phải chỉ được phân biệt bằng  
cái tên qua hình dáng, màu sắc không thôi  
mà mắt còn được áp đặt vào chúng bằng  
những cảm quan, nhận thức, sinh hoạt, triết  
lý . . . tùy theo tình huống của những cái  
"nhìn mặt đặt tên" và "xấu đẹp tùy người  
đôi diện" của mỗi người. Nghĩa là tên của  
mắt còn được đặt đê vào đó một **linh hồn** vô  
cùng sống động.

Người khôn con *mắt dịu hiền*,  
Người dại con *mắt láo liên* nhìn trời!  
Một thương tóc bỏ đuôi gà,  
Hai thương ăn nói mặn mà có duyên.  
. . .  
Chín thương em ngủ một mình,  
Mười thương con *mắt hữu tình* cho ai.  
Chém cha con *mắt đa đoan*,

Càng lảm nhảm càng mang tiếng thù  
Con *mắt tròng tròng*,  
Thầy vợ cả đĩa.

Chồng em rồ sứt rồ sì,  
Chân đi chữ bát, *mắt thì ngưỡng thiên*.

Hai nách cô thơm như ổ chuột chù,  
*Mắt thì dán nhám*, lại gù lưng tôm.

Chả tham nhà ngói anh đầu,  
Tham về con *mắt bò câu* liếc người.

Rạng ngày mai con *mắt lim dim*,  
Chân đi thất thểu như chim tha mồi.

Những người con *mắt lá rậm*,  
Lông mày lá liễu đáng trăm quan tiền.

Ông già ông chết đã lâu,  
Con *mắt thao láo* hàm râu vẫn còn.  
Rồi như :

Mắt tinh đời, Ăn phùng má trợn mắt,  
Mắt la mày lét, Mắt hau háu như quạ thấy gà  
con, Có mắt không ngươi, Con mắt to hơn cái  
bụng, Đỏ đom đóm mắt, Đỏ mồ hôi sôi nước  
mắt, Giàu hai con mắt khó hai bàn tay, Hai  
mắt đỏ dòn lại một, Mắt lá rậm kiêu căng có  
tiếng, Mắt lơ mày lảo, Bé người to mắt, Rậm  
râu sâu mắt, Che mắt thế gian, Cẩn răng chằng  
mắt, Chết không nhắm mắt, Mắt hau háu như  
quạ thấy gà con, Chớp mắt bỏ qua, Coi người  
bằng nửa con mắt, Mắt thấy tai nghe, Mắt tròn  
mắt dẹt, Mắt trợn tròng, Mắt trước mắt sau,  
Mắt xanh mỏ đỏ, Lấy vải thừa che mắt thánh,  
Lựa được con dâu sâu con mắt, Lúa bông vàng  
thì vàng con mắt, Mong đỏ con mắt, Móc mắt  
moi mè, Múa riu qua mắt thợ, Ngang tai trái

mắt, Nghe tận tai nhìn tận mắt, Người trần mắt  
thịt, Nhắm mắt đưa chân, Nhắm mắt làm ngo,  
Nhắm mắt xuôi tay, No bụng đói con mắt, Qua  
chẳng mở mắt qua, Thấy của tôi mắt, Tai nghe  
không bằng mắt thấy, Trêu cò cò mổ mắt, Trời  
cao có mắt, Tuần chay nào cũng có nước mắt,  
Thứ nhất đau mắt thứ nhì nhức răng, Tiếc rõ  
máu mắt, Tồi mắt tối mũi, Trái tai gai mắt,  
Vừa mắt ta ra mắt người, Yêu gà gà mổ mắt  
yêu chó chó liếm mặt, Ngủ ngày quen mắt,  
Chương tai gai mắt, . . . Gái một con trông  
mòn con mắt.

Cũng từ những cảm quan, nhận thức kê  
trên mà tên gọi của mắt cũng dựa vào những  
sự phê phán khen chê được diễn dịch qua  
**tướng số** hay kinh nghiệm. Tất nhiên chúng  
ta không thể hoàn toàn tin vào sự khả tín của  
những lời phê phán có tính cảm quan này :

Con lợn mắt trắng thì nuôi,  
Những người *mắt trắng* đánh rồi đuổi đi.

*Máy mắt* ăn xôi,  
Máy môi ăn thịt,  
Máy đít phải đôn.

Mắt ốc brou làm cho ai sợ,  
*Miếng hóa lò ăn vỡ nghiệp cơ.*

Người khôn con *mắt đen sì*,  
Người dại con *mắt nửa chì nửa than.*

Những người *ti hí mắt lươn*,  
Trai thì trộm cướp, gái buôn chồng người.

Rèm xưa ba bức mảnh mảnh,  
*Mắt cô thế ấy tu hành được đâu.*

Người khôn con *mắt diu hiền*,  
Người dại con *mắt láo liên* nhìn trời!

Kéo dài chi kiếp sống thừa,  
Cho *cay mắt* thấy, cho chua lòng sầu.

Mắt dùng để NHÌN, để ngó, để trông, để  
ngắm, để dòm, để liếc . . . Và để diễn tả những  
tình cảm vui buồn, tức giận, nghi ngờ, thất  
vọng hay là những thông điệp của tình thương  
yêu dùng thay cho lời nói. Nói tóm lại mắt còn  
có đủ khả năng diễn tả đầy đủ sự "hỷ nộ ái ố"  
của con người.

Anh thương em không biết để đâu,  
Để trong túi áo lâu lâu lại *nhìn (dòm)*.

Chiều chiều ra chợ Đông Ba,  
*Ngó* về hàng Bột *trông* ra hàng Đường.  
*Nhìn* mai, *ngắm* liễu, *xem* hường,  
Cô nào đẹp nhất xin nhường cho tôi.

Ra đường con mắt *ngó nghiêng*,  
Về nhà chui chón buồng riêng về mòng.

Tóc em như lông con chó xồm,  
Xúc dầu thì xúc, ai thềm *dòm*, bớ em Hai.

Em là con gái cửa dinh,  
Qua dinh cụ lớn, cụ *rình* cụ *nom*.  
Của em chẳng để ai *dòm*,  
Cáo già hết ngóm, mèo non cũng thừa.

Mẹ em tham thúng xôi rền,  
Tham con lợn béo, tham tiền Cảnh Hưng.  
Em đã bảo mẹ rằng đừng,  
Mẹ *lờm* mẹ *nguyt* mẹ bung ngay (xôi) vào.  
Bây giờ chồng thấp vợ cao,  
Như đôi đũa lệch so sao cho bằng.

*Ngó* lên chữ ú,  
*Ngó* xuống chữ ư.  
Anh thương em thủng thẳng em ừ,  
Anh đừng thương vợ, phụ mẫu từ nghĩa em.

Bất bình cũng cứ dửng dưng,  
Cũng đừng *liếc xéo*, cũng đừng cười khinh.

Dao cau rọc lá trầu vàng,  
Mắt anh anh *liếc*, mắt nàng nàng *đưa*.

Ô kìa con cái nhà ai,  
Cái váy thì dài, áo ngắn ngang hông!  
Thấy ai *duang mắt ra trông*,  
Nghề nghiệp chẳng có, chồng mông kêu trời!

Ngoài những cái “*nhìn*” của *thế gian*, ta còn có cái “*nhìn của đạo Phật*”. Mắt là một trong sáu căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý), nó là nguyên nhân của vui sướng hoặc khổ đau trong nhận thức u minh về xấu đẹp khi ta tiếp xúc với những hình ảnh bên ngoài. Muốn tránh khổ đau ta phải “*quán chiếu*” để thấy được cái “*thực tánh*” của mắt và nhìn, nghĩa là, nói theo một vị Thiền sư thì những người đạt đạo, họ vẫn thấy cái đẹp và cái xấu nhưng họ không bị không chế, lôi cuốn bởi những cái xấu đẹp ấy vì họ thấy được trong cái đẹp có sự góp phần của cái xấu và trong cái xấu có sự góp phần của cái đẹp. Cái *nhìn* ấy được chuyển thành *lòng từ bi với tâm giải thoát*. Đó chính là cái *nhìn của trí tuệ bát nhã* trong đạo Phật vậy.

Nói đến mắt ta không thể không nhắc đến KHÓC : Khóc oà, Khóc thét, Khóc gào, Khóc nức nở, Khóc thầm, Khóc thút thít, Khóc vụng trộm, Khóc ti ti, Khóc tỉ tê, Khóc ní non, Khóc mùi, Khóc như ri, Khóc như mưa, Khóc như cha chết, Khóc đứng khóc ngồi . . . Khóc là để diễn tả một trạng thái tự nhiên của xúc cảm, có thể do vui và cũng có thể do buồn một cách cao độ, trừ khi khóc “*vờ*”, hoặc để làm “*vũ khí*” tác động vào lòng thương của người khác, hoặc để “*vòi vĩnh*” :

Cha đòi con gái mười ba,  
Đêm nằm với mẹ *khóc la* đòi chồng.  
Mẹ giận mẹ phát ngang hông,  
Đồ con “*chết chủ*” đòi chồng *thâu đêm*.

Chuối non giú ép *chát ngâm*,  
Trai tơ đòi vợ, *khóc thầm* *thâu đêm*.  
Khóc rồi bị má đánh thêm,  
Tiền đâu cưới vợ nửa đêm cho *mày*?

Anh ở làm sao cho vợ anh *thôi*,  
Bây giờ *khóc đứng*, *than ngòi* với ai?

Con cò lặn lội bờ sông,  
Gánh gạo đưa chồng, *tiếng khóc ní non*.  
Nàng về nuôi cái cùng con,  
Để anh đi *trả* nước non Cao Bằng.

Đã khóc thì không thể thiếu NƯỚC MẮT:  
Khóc hết nước mắt, Đổ mồ hôi sôi nước mắt,  
Khóc không ráo nước mắt, Mau nước mắt,  
Mồ hôi nước mắt, Nước mắt cá sấu, Nước mắt  
chảy xuôi, Nước mắt lưng tròng, Nước mắt  
nước mũi, Tuần chay nào cũng có nước mắt,  
Trai khôn lấm nước đáí gái khôn lấm nước  
mắt, Cười ra nước mắt . . .

Ai ơi đừng *roi nước mắt ớt*,  
Đừng *rót nước mắt gừng*,  
Nhân duyên trời định nửa chừng mà *thôi*.

Tay chùi *nước mắt ướt nhem*,  
Tại anh chậm bước nên em *lầy chồng*.

Thôi thôi đừng *nhỏ nước mắt hồng*,  
Đừng pha tiếng ngọc mà *cầm duyên em*.  
Đừng vợ đừng chồng, đừng gì hết *thầy*,  
Anh có nơi rồi *rún rẩy duyên em*.

Năm bảy tháng trước còn *bụng*, còn *bợ*,  
Năm bảy tháng sau *lỡ bợ*, *lỡ bụng*.  
Trực nhìn *nước mắt rung rung*,  
Khai hoa nở *nhụy*, *khổ quá* *chùng anh ơi*!

Ố chị em ơi !  
Cho tôi xin tí *nước mắt thừa*,  
Tôi về tôi *khóc tiền* đưa mẹ chồng.

Anh về em chẳng dám đưa,  
Hai hàng *nước mắt như mưa tháng mười*.

Tuy nhiên con mắt không phải là lúc nào cũng làm tròn nhiệm vụ của mình một cách hoàn hảo. Khi mắt nhìn không rõ thì gọi là mắt mờ, mắt loà; khi không nhìn thấy gì cả thì gọi là mắt đui hay mắt mù. Và cứ như thế ta còn có một loạt những BỆNH CỦA MẮT như mắt già, mắt cận, mắt viễn, mắt thông manh, mắt lòi, mắt chột, mắt toét, mắt quáng gà, mắt lộ . . .

-Hoan hô các cụ trồng cây,  
Mười cây chết chín, một cây gặt gù !  
-Các cháu *có mắt như mù*,  
Mười cây chết tiệt gặt gù ở đâu ?

Trăm lạy ông trời chớ điếc, đừng *đui*,  
Để hai con mắt coi người thế gian.

Đã có mắt thì xem đàng,  
Có phải *cận thị* ngó quàng ngó xiên.

Thôi tôi biết vợ anh ròi,  
Vợ anh *toét mắt* bán xôi chợ chùa.

Do mắt có thể có khuyết tật hay bệnh nên mắt cần được chăm sóc và bảo vệ vì "*thứ nhất đau mắt thứ nhì dốt răng*".

Ngày nay, với nền văn minh tân tiến, mắt còn được những nhà giải phẫu thay hình đổi dạng theo như ý muốn. Mắt đôi khi còn được trang điểm bằng những cặp lông mi dài, tô thêm quầng mắt, lông mày hay bằng những cặp kính gọng đắt tiền.

Phì phà thuốc điều kẹp tay,  
*Mắt đeo kiếng mát* xem ai ra gì.

Tóm lại cặp mắt là bộ phận vô cùng quý giá và đa dụng của con người. Thật là bất hạnh

cho chúng ta biết bao nếu ta thiếu đi cặp mắt ấy hay bị giảm đi một phần khả năng của nó. Có lẽ cũng chính vì cái quý giá và đa dụng của mắt nên nó mới có nhiều từ ngữ để chỉ về mắt và những gì liên quan tới mắt trong ca dao, tục ngữ (mà trong giới hạn bài này tôi chỉ có thể liệt kê được một phần rất nhỏ trong cái muôn vàn từ ngữ hoặc tình huống liên quan đến mắt trong kho tàng ngôn ngữ dân gian phong phú của dân ta mà thôi).

Và cũng qua đây, tôi xin được nói thêm, ta phải thấy vô cùng hãnh diện về sự giàu có và tinh tế của ngôn ngữ dân ta, đặc biệt được thể hiện trong văn chương bình dân truyền khẩu của ông cha ta để lại qua tục ngữ ca dao. Bôn phận của chúng ta phải gìn giữ và phát triển ngôn ngữ ấy, nhất là thế hệ con cháu chúng ta sống nơi hải ngoại.

Kết luận:

***Hãy gìn giữ ngôn ngữ nước ta như ta đang gìn giữ con mắt của chính mình vậy.***

Thân.

NGUYỄN GIỮ HÙNG (CN09)

San Jose ngày 20 tháng 5 năm 2017